

## Những nhà lãnh đạo Việt Nam bạn-thù xuất thân từ trường Trung Học MỹTho

Lâm Văn Bé

Trong vòng 95 năm, kể từ khi thành lập (1880) cho đến năm 1975, Trường Trung Học Mỹtho (Collège de Mytho - Collège Le Myre de Vilers-Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu) đã đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước. Đặc biệt, trong lãnh vực chính trị, nhiều cựu học sinh xuất thân từ ngôi trường này, sau khi ra trường đã có những lập trường chính trị đối nghịch nhau, và vận mệnh quốc gia Việt Nam đã đưa đẩy một số cựu học sinh đã có mặt trong những biến đổi lịch sử cận đại. Chúng tôi xin đề cập qua những nhân vật lãnh đạo Việt Nam về hai phía Cộng Sản và không Cộng Sản.

### Những nhà lãnh đạo phía Cộng Sản

#### 1- Phạm Văn Bạch

Phạm Văn Bạch sinh ngày 18 tháng 6 năm 1910 tại xã Khánh Lộc, tỉnh Trà Vinh trong một gia đình giàu có. Năm 1924, lúc ông 14 tuổi, ông thi đậu vào Collège de Mytho. Sau khi đậu bằng Thành Chung năm 1928, ông được gia đình cho đi du học luật khoa ở đại học Lyon (Pháp). Có khuynh hướng thiên tả ngay trong thời gian du học, Phạm Văn Bạch đã hoạt động với các thành viên của đảng Cộng Sản Pháp, và là một cây viết xuất sắc về chủ nghĩa Mát-Lê.

Sau khi đậu Cử Nhân năm 1935, ông về Việt Nam hành nghề luật sư và dạy học tại Cần Thơ, tham gia phong trào Đông Dương Đại Hội do Nguyễn An Ninh thành lập vào tháng 8 năm 1936 và là cảm tình viên với đảng Cộng Sản Xứ bộ Nam Kỳ dưới sự lãnh đạo của Trần Văn Giàu.

Sau khi tham gia cuộc nổi dậy ở Cần Thơ thành công, Phạm Văn Bạch lên Saigon tiếp tục tranh đấu chống Pháp và ngày 8 tháng 9 năm 1945 được cử làm chủ tịch Lâm ủy Hành Chánh Nam Kỳ (Ủy ban lâm thời) có Trần Văn Giàu là phó chủ tịch kiêm ủy trưởng quân sự và Huỳnh Phú Sổ, giáo chủ Hòa Hảo, làm cố vấn.

Tháng 10 năm 1945, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, và bởi lẽ quân đội Anh giúp Pháp chiếm lại Nam Kỳ, Lâm Ủy Ban Hành Chánh phải dời về MỹTho rồi sau đó Phạm Văn Bạch phải rút vô bưng ở Đồng Tháp Mười, tiếp tục cuộc lãnh đạo kháng chiến, được Xứ bộ đảng Cộng Sản Nam Kỳ, lúc này do Lê Duẩn làm bí thư, bổ nhiệm làm **Chủ tịch Ủy Ban kháng chiến Nam Bộ**. Tuy là Chủ tịch, Phạm Văn Bạch luôn bị sự kiểm soát của tướng Nguyễn Bình là người của Hồ Chí Minh từ ngoài Bắc gọi vô Nam. Năm 1949, ông chính thức là đảng viên Cộng Sản.

Tháng 7 năm 1954, tập kết ra Bắc, ông được cử làm Chánh án Tòa Án Nhân dân tối cao.

Theo nhận định của Lê Tùng Minh, đồng chí của Phạm Văn Bạch cũng tập kết ra Bắc, đậu Tiến sĩ Sử học, sau hồi chánh, thì: *«Phạm Văn Bạch tuy đi theo Cộng Sản, trở thành cán bộ cao cấp của đảng, nhưng không phải là loại cộng sản cuồng nhiệt. Ông vẫn giữ được tính cách ngay thẳng của người trí thức Nam Bộ. Trong thời gian làm chánh án Tòa Án tối cao, có lần ông đã tỏ thái độ bất mãn với tính độc tài của Lê Đức Thọ. Chính vì thế mà Lê Đức Thọ đã không chấp nhận đề nghị của một số đại biểu quốc hội đề cử ông làm Bộ Trưởng Tư Pháp»*.

(Đặc san 2000 Hội AHCHS Mỹ Tho, Canada)

#### 2- Phạm Hùng



Phạm Hùng tên thật là Phạm Văn Thiện, sinh ngày 11 tháng 6 năm 1912 tại xã Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1926, ông thi đậu vào Collège de Mytho, học dưới Phạm Văn Bạch hai lớp. Năm 1928, sau khi học hết 2è année, ông bị đuổi học, hoạt động trong phong trào Thanh niên Cách mạng Đồng Chí

hội. Khi đảng này chính thức trở thành đảng Cộng Sản Đông Dương (03-02-1930), Hùng chính thức là đảng viên với bí danh là Bảy

Cường (ngoài ra còn các bí danh khác là A7, X2).

Ngày 1-5-1931, Phạm Hùng bị Pháp án tử hình vì can tội giết một viên chức xã thuộc tỉnh Mỹ Tho, nhưng năm 1934 được giảm án chung thân khổ sai và bị đày ra Côn Đảo. Trong thời gian ở Côn Đảo, Phạm Hùng đã sống chung với Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng nhờ đó Phạm Hùng có uy thế sau này.

Tháng 9 năm 1845, từ Côn Đảo trở về, Phạm Hùng được đưa vào Xứ Ủy Nam Bộ, đảm nhiệm chức vụ Phó Giám Đốc Quốc Gia Tự Vệ Đoàn, tức Sở Công An Nam Bộ. Năm 1951, ông là Ủy viên Ban Chấp Hành Trung Ương đảng duy nhất phục vụ tại miền Nam. Năm 1952, là Phó Bí Thư Trung Ương Cục Miền Nam kiêm nhiệm Bí thư Ủy Ban Kháng Chiến Phân Liên Khu Miền Đông Nam Bộ.

Khi tập kết ra Bắc tháng 7 năm 1954, Phạm Hùng đóng vai đại tá, thay mặt cho chánh phủ CS trong Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến, nhờ đó Phạm Hùng công khai trở lại Saigon hoạt động.

Phạm Hùng là đảng viên Cộng Sản gốc người miền Nam duy nhất thăng tiến nhanh trong guồng máy của đảng. Từ năm 1956, Phạm Hùng là Ủy viên Bộ Chính Trị.

Năm 1958, là Phó Thủ Tướng đặc trách nông nghiệp. Năm 1960, trong Đại hội đảng lần thứ 3, ông được bầu vào Ban chấp hành Trung ương đảng. Năm 1967, khi tướng Nguyễn Chí Thanh, bí thư Trung ương Cục Miền Nam (Cục R) bị chết vì bom B52 ở Tây Ninh, Phạm Hùng được cử vào Nam thay thế Nguyễn Chí Thanh với bí danh Sáu Hồng.

Từ năm ấy (1967) đến 1975, Phạm Hùng là Bí Thư Cục R và là chính ủy các lực lượng võ trang miền Nam. Tháng 4 năm 1975, ông cùng với Lê Đức Thọ và Văn Tiến Dũng trong Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh đánh chiếm Miền Nam.

Sau khi chiếm được miền Nam, trong đại hội đảng lần thứ 6 (1976), Phạm Hùng được đề cử nhiều chức vụ trọng đại: ủy viên Trung ương đảng, ủy viên Bộ chính trị, Phó Thủ Tướng.

Năm 1980, ông thay Trần Quốc Hoàn nắm giữ Bộ Công An (Bộ Nội Vụ), một cơ quan đầu não

của chế độ. Năm 1982, trong đại hội đảng lần thứ 5 (1982-86) Phạm Hùng đứng hàng thứ 4 trong số 13 ủy viên của Hội Đồng chính trị trung ương đảng. Tháng 6 năm 1987, ông được Quốc Hội bầu làm Thủ Tướng thay Phạm Văn Đồng nhưng chết đột ngột sau đó mấy tháng (10/3/1988). Sau khi ông chết, một nhân vật miền Nam là Võ Văn Kiệt thay ông trong chức vụ Thủ Tướng, nhưng chỉ được vài tháng thì Trung ương đảng buộc phải nhường chức cho Đỗ Mười, một nhân vật gốc miền Bắc rất bảo thủ.

Nhận định về Phạm Hùng, ông Lê Tùng Minh đã viết: «*Nếu so với Phạm Văn Bạch, kiến thức của Phạm Hùng kém xa, nhưng về mặt cuồng nhiệt cộng sản thì Phạm Hùng đứng vào bậc thầy của Phạm Văn Bạch. Trong những năm làm Phó Thủ Tướng ở miền Bắc (1958-1967), dư luận trong cộng đồng Nam Bộ tập kết đều cho rằng Phạm Hùng chỉ lo cho danh vị cá nhân, chớ không giúp ích gì cho người dân Nam Bộ. Khi làm Bí thư Trung Ương Cục R, Phạm Hùng một lòng trung thành với Trung ương đảng, đặc biệt với Lê Duẩn là người đã nâng đỡ ông từ sau khi ở Côn Đảo về.*»

### 3- Huỳnh Tấn Phát



Huỳnh Tấn Phát, bí danh Sáu Phát, Tám Chí, sinh năm 1913 tại xã An Hóa, tỉnh Bến Tre. Năm 1927, ông thi đậu vào trường Collège de Mytho, đậu Thành Chung năm 1931 rồi tiếp tục học bậc Tú Tài ở Chasseloup Laubat.

Năm 1934, ông đậu Tú Tài toàn phần hạng ưu, điều hiếm có trong hàng ngũ học sinh thời ấy. Ông ra Hà Nội học ngành kiến trúc ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật và bắt đầu hoạt động chính trị trong giới sinh viên. Năm 1938, ông tốt nghiệp thủ khoa, trở về Saigon mở văn phòng kiến trúc ở số 68-70 đường Mayer (Hiền Vương). Là một kiến trúc sư có tài, ông đã đạt được giải nhất nhiều công trình thiết kế, thí dụ như đồ án Hội Chợ Triển Lãm Đông Dương ở Vườn Ông Thượng (Vườn Tao Đàn) do Toàn quyền Decoux tổ chức năm 1941.

Tuy làm ăn phát đạt, nhưng Huỳnh Tấn Phát không ham làm giàu mà văn phòng ông là nơi hội họp của giới trí thức yêu nước ở Saigon. Ông làm chủ bút tờ báo *Thanh Niên*, hợp tác với các trí thức thân Cộng hay Cộng Sản như Huỳnh Văn Tiêng, Mai Văn Bộ, Lưu Hữu Phước...

Năm 1945, ông là trưởng ban tổ chức Thanh Niên tiên phong do Trần Văn Giàu lãnh đạo. Được kết nạp vào đảng Cộng Sản tháng 3/1945, ông tham gia cuộc nổi dậy cướp chính quyền ở Saigon, hợp tác với tướng Nguyễn Bình trong công tác tuyên truyền. Khi quân Pháp chiếm lại Saigon, ông bị bắt và bị kết án 2 năm tù. Sau khi ra tù, ông tiếp tục làm công tác trí vận và gián điệp vùng Saigon-Chợ Lớn cùng với vợ là Bùi Thị Nga dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Văn Linh.

Sau hiệp định Genève, ông được gài lại ở Saigon để tiếp tục làm công tác trí vận. Trong thời gian này, ông làm việc lén lút tại văn phòng kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thiện, thực hiện được nhiều công trình thiết kế quan trọng (như biến cải khu KháM Lớn Saigon thành khu Đại Học Văn Khoa năm 1955, xây khu bào chế Trang Hai). Năm 1959, tông tích bị lộ, ông thoát ra khu ở vùng Tam Giác Sắt. Khi Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (MTGPMN) được thành lập ngày 20 tháng 12 năm 1960, ông được cử chức vụ Phó Chủ Tịch.

Sau thất bại trận Mậu Thân, để vận động quần chúng trong Nam, ngày 6 tháng 6 năm 1969, Bộ Chính Trị Trung ương đảng CSVN cho thành lập *Chánh Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam VN*, Huỳnh Tấn Phát được cử là Chủ Tịch chánh phủ, nhưng thành phần chánh phủ, đa số là đảng viên (đv), do Bộ Chính Trị quyết định.

Chính phủ bù nhìn này gồm những đảng viên CS như sau:

Chủ Tịch: Huỳnh Tấn Phát  
Phó Chủ Tịch: Võ Chí Công  
Bộ Trưởng Quốc Phòng: Tướng Trần Nam Trung  
Bộ Trưởng Ngoại Giao: Nguyễn Thị Bình  
Bộ Trưởng An Ninh: Cao Đăng Chiếm  
Bộ Trưởng Kinh Tế: Dương Kỳ Hiệp  
Bộ Trưởng Văn Hóa: Lưu Hữu Phước

Bộ Trưởng Y Tế: Dương Huỳnh Hoa

Thành phần thân Cộng Sản, nhưng chưa vô đảng: Trương Như Tảng (Bộ Trưởng Tư Pháp), Bùi Thị Mè (Bộ Trưởng Thương Binh, Xã hội), Nguyễn Văn Kiệt (Bộ Trưởng Giáo Dục).

Hội Đồng Cố Vấn Chính phủ gồm có: Nguyễn Hữu Thọ: Chủ Tịch, Trịnh Đình Thảo (Phó Chủ Tịch), Lâm Văn Tét (Ủy viên). Hai ông Thảo và Tét chưa vô đảng.

Theo BS Trần Ngươn Phiêu trong bài «Nỗi lòng Huỳnh Tấn Phát», thì «...từ ngày này cho đến thời kỳ hòa đàm Paris và tháng 4 1975, có thể xem là thời kỳ đặc ý nhất của Huỳnh Tấn Phát, vì từ lâu, anh vẫn thường tìm cách lôi kéo nhân sĩ trí thức miền Nam là anh tranh đấu cho miền Nam có một chế độ cộng hòa khác với chế độ miền Bắc trong khi chờ đợi việc thống nhất trong tương lai...»

Cái tương lai mà ông chờ đợi đó đã đến với ông và đồng chí của ông trong cay đắng và nhục nhã vì sau tháng 4 năm 1975, chánh phủ lâm thời của ông bị giải tán. Để xoa dịu giới trí thức và kháng chiến miền Nam, Huỳnh Tấn Phát được cử là phó thủ tướng, chủ tịch Ủy Ban Mặt Trận Nhân Dân Tổ Quốc. Tuy là những chức vụ ngồi chơi xơi nước, nhưng Cộng Sản vẫn ly gián ông với gia đình và các đồng chí miền Nam bằng cách đưa ông ra Hà Nội. Trong khi các lãnh tụ CS ở đất Bắc ừa vào Nam vợ vét trở nên giàu có, Huỳnh Tấn Phát sau 50 năm kháng chiến dưới lá cờ Cộng Sản đã chết ngày 30 tháng 9 năm 1989 trong nghèo khổ và tủi nhục vì ông bị các đồng chí miền Bắc vắt chanh bỏ vỏ.

Bà Bùi Thị Nga, vợ ông đã viết thơ cho ông khi ông ở Hà Nội: « ... Tôi nhớ điều ước mơ của anh lúc gần cuối đời, anh ao ước có một chiếc xe Honda để khi về hưu chở vợ hay cháu nội cháu ngoại đi chơi... »

Cha, chú (Huỳnh Văn Phương) và cô (cô Tám) của Huỳnh Tấn Phát đều bị Cộng Sản giết vì nghi là dính líu với nhóm Đệ Tứ Quốc Tế. Huỳnh Tấn Phát, kiến trúc sư tầm tiếng trong giới chuyên nghiệp đã thiết trí bao nhiêu đề án công cũng như tư, cho đến ngày chết vẫn chưa tự xây được một mái nhà cho gia đình trú ngụ, không có được một chiếc xe để chở vợ con.

(Trần Nguơn Phiêu. Nỗi lòng HTP  
[www.namkyluctinh.org](http://www.namkyluctinh.org))

Huỳnh Tấn Phát đã nhầm lẫn đem lòng yêu nước trao cho đảng Cộng Sản. Ngoài Huỳnh Tấn Phát, một số khá đông trí thức miền Nam, hoặc khuynh tả hay thân cộng, hoặc vì yêu nước, đã tiếp tục theo Cộng Sản sau phong trào Thanh niên tiên phong, và đa số đã phơi thân trên Trường Sơn hay nếu còn sống sót trong Mặt Trận như BS Dương Huỳnh Hoa (con ông Dương Minh Thới, Giáo sư Collège de Mytho) và chồng là Huỳnh Văn Nghị, Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo, Kỹ sư Lâm Văn Tét, Trương Như Tảng, GS Nguyễn Văn Kiệt cũng lần lượt ra đi trong tủi nhục. Bằng lừa dối và bạo lực, đảng Cộng Sản Việt Nam đã xảo quyệt dùng chiêu bài đánh đuổi thực dân để giành độc lập, lợi dụng xương máu của nhân dân để đạt đến cứu cánh tối hậu là áp đặt một chế độ Cộng Sản độc tài trên cả nước Việt Nam.

### **Những nhà lãnh đạo phía quốc gia**

Chúng tôi vừa điếm qua ba nhân vật xuất thân từ trường Trung học Mỹtho trở nên những nhà lãnh đạo của chế độ Cộng Sản. Trong phần sau đây, chúng tôi xin xét qua ba nhân vật cũng xuất thân từ ngôi trường này, nhưng đứng trong hàng ngũ các nhà lãnh đạo Quốc gia, đã là thù tướng miền Nam Việt Nam trong buổi giao thời trước khi người Pháp ra đi và Phó Tổng Thống trong chế độ Cộng Hòa.

#### **1 - Nguyễn Văn Tâm**

Ông Nguyễn Văn Tâm sinh ngày 16 tháng 10 năm 1895 tại làng Thái Bình, tỉnh Tây Ninh, nhưng có tài liệu nói ông sinh tại Mỹtho và gốc là họ Trương Duy, sau mới đổi lại họ Nguyễn. (VN niên biểu nhân vật chí của Chính Đạo, p. 394).

Năm 1909, ông vào học Collège de Mỹtho rồi sau đó tiếp tục ở Chasseloup Laubat và ra Hà Nội học một năm trường Luật. Ông bắt đầu bằng nghề dạy học ở Tây Ninh, được cải ngạch đốc phủ sứ và được chính phủ Pháp tin dùng.

Trong thời gian làm quận trưởng Cai Lậy (1935-41), ông rất thù nghịch Cộng Sản nên được mang danh là «hùm xám Cai Lậy».

Nhạc sư Vĩnh Bảo, hiện còn sinh sống ở VN, đã kể nhiều giai thoại trong thời gian tiếp xúc với ông.

*...Ông Tâm cũng là nhà thơ, nên ngày đầu tiên nhậm chức quận trưởng Cai Lậy, ông bày ra tiệc tập họp các thi sĩ trong quận để xướng họa với nhau. Nào ngờ dựa vào ý thơ, ông nhận diện ai là người thân Cộng, chống Pháp, ông bắt giam. Ông là người cứng rắn, sát phạt Cộng Sản không nương tay. Khi kiến trúc sư Hoàng Hùng (sau là Tổng Trưởng dưới thời ông Diệm) bị bắt giam ở Huế vì tội chứa La Văn Liếm là trưởng công an Cộng Sản nội thành, Cựu Hoàng Thành Thái đích thân đến gặp ông để xin tha. Ông Tâm từ chối và nói: Je défends la Couronne de Sa Majesté Bảo Đại. Năm 1945, ông bị Thanh Niên Tiên Phong Việt Minh bắt ở Chợ Đệm, ông bị họ chặt một ngón tay trở, may nhờ đại tá Massu giải cứu, nhưng hai người con của ông tên là Luân và Hải bị Việt Minh bắt ở Mỹtho rồi bị xử tử ngày 2 tháng 1 năm 1946 ở Cao Lãnh. (www.namkyluctinh.org)*

Ông còn một người con trai lớn tên là Nguyễn Văn Hình, vào dân Pháp từ năm 1929, là một sĩ quan không quân Pháp. Khi quân đội Việt Nam Cộng Hòa được thành lập, ông Nguyễn Văn Hình được phong là Thiếu tướng, đảm nhiệm chức vụ Tham Mưu Trưởng (7-3-1952).

Tháng 6 năm 1946, ông Nguyễn Văn Tâm được cử làm Thứ trưởng An Ninh toàn quốc trong chánh phủ «Nam Kỳ Quốc» của Thủ Tướng Nguyễn Văn Thinh, nhưng chỉ 6 tháng sau thì ông Nguyễn Văn Thinh tự tử. Ông Lê Văn Hoạch lập nội các mới, ông Nguyễn Văn Tâm giữ chức Tổng Trưởng Quốc Phòng.

Sau khi ký hiệp định Élysée ngày 8 tháng 3 năm 1949 giữa Bảo Đại và chánh phủ Pháp công nhận nước VN thống nhất và độc lập, Bảo Đại từ Hồng Kong về nước thành lập chánh phủ quốc gia VN ngày 1-7-1949, ông Tâm được cử làm Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An.

Ngày 6 tháng 6 năm 1952, ông Tâm được Bảo Đại giao cho thành lập chánh phủ đoàn kết các đảng phái. Đây là chánh phủ Việt Nam đầu tiên thiết lập một ngân sách quốc gia và có một Hội Đồng Quốc Gia lâm thời gồm 21 đại diện Bắc, Trung Nam để cố vấn cho chánh phủ.

Sau khi ông Ngô Đình Diệm chấp chánh, ông Nguyễn Văn Tâm qua Pháp sinh sống cho đến lúc tạ thế tại Paris ngày 23 tháng 11 năm 1990. Tướng Hinh tiếp tục phục vụ trong quân đội Pháp sau khi rời VN (19-11-1954), được thăng cấp Trung tướng, và mất năm 2004.

Ông Nguyễn Văn Tâm là một nhà chánh trị VN thân Pháp và không đảng phái. Ông là kẻ thù số một của Cộng Sản bởi dưới mắt ông, Cộng Sản là kẻ thù số một của quốc gia. Ông triệt hạ các thành phần thân Cộng và theo Cộng, do đó ông cũng không được lòng dân khi mà người dân chưa biết được mặt trái của Cộng Sản.

Không ai chấp nhận chế độ thuộc địa và cúi đầu thần phục ngoại bang, nhưng nhìn lại chế độ Cộng Sản Việt Nam, sau hơn nửa thế kỷ áp dụng chế độ sắt máu và giết hại bao nhiêu sanh linh nhân danh cuộc tranh đấu chống Pháp để giành độc lập, VN hôm nay vẫn tiếp tục chậm tiến, nghèo đói và biến thành một thứ chư hầu của Trung Cộng.

Cộng Sản lớn tiếng phỉ báng Nguyễn Văn Tâm, Trần Văn Hữu là những kẻ phản quốc bán nước, nhưng họ có biết chăng chính Phạm Văn Đồng đã ký giấy nhường Hoàng Sa cho Trung Cộng trong khi tại hội nghị San Francisco năm 1951, thủ tướng Trần Văn Hữu đã xác nhận chủ quyền các hải đảo là của VN. Cộng Sản có biết chăng những lãnh tụ của họ đã công khai cho phép Trung Quốc khai thác bauxite, và khiếp sợ đàn anh trong các cuộc tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải để gục đầu chia phần với tư bản trong các dự án mà nhiều thế hệ sau phải trả hết các món nợ.

## 2 - Lê Văn Hoạch

Ông Lê Văn Hoạch sinh năm 1896 tại làng Phong Điền, tỉnh Cần Thơ. Ông học ở Collège de Mytho cùng thời với ông Nguyễn Văn Tâm, chuyển lên Chasseloup Laubat rồi ra Hà Nội học Y khoa. Tốt nghiệp Bác sĩ năm 1923, ông làm việc cho chính phủ bảo hộ 8 năm rồi về Cần Thơ mở phòng mạch. Ông gia nhập đạo Cao Đài và được phong chức Bảo Sanh Quân năm 1930.

Tháng 8 năm 1945, khi Việt Minh cướp chánh quyền, ông có tham gia nhưng sau đó, khi quân Pháp chiếm lại Cần Thơ, ông hồi cư không theo Việt Minh Cộng Sản trong khi người

em của ông là GS Lê Văn Huân tiếp tục hoạt động cho Cộng Sản (công tác trí vận vùng Saigon-Chợ Lớn ngay trang dưới chức vụ hiệu trưởng trường tư thục Nam Việt, Chủ tịch Hội Giáo chức tư thục). Trường hợp gia đình ông Lê Văn Hoạch là một bi kịch điển hình trong cuộc chiến VN, chỉ vì ý thức hệ, vì một hoàn cảnh, cha mẹ anh em xa lìa nhau, có khi thù nghịch nhau bởi lẽ mỗi người đứng bên mỗi chiến tuyến Quốc-Cộng.

Tháng 2 năm 1946, ông Lê Văn Hoạch là đại diện cho tỉnh Cần Thơ trong Hội Đồng Tư Vấn Nam Kỳ và gia nhập đảng Dân Chủ của Nguyễn Văn Thinh. Tháng 11 năm 1946, khi Thủ Tướng Nam Kỳ tự trị Nguyễn Văn Thinh tự tử, ông được Hội Đồng Tư Vấn Nam Kỳ đề cử để thành lập nội các mới. Tuy nhiên, vì chủ trương Nam Kỳ tự trị là một âm mưu của người Pháp muốn trở lại VN bằng cách tách Nam Kỳ ra khỏi VN như trước kia là một thuộc địa, chủ trương này bị dân chúng phản đối nên nội các của Lê Văn Hoạch chỉ tồn tại đến tháng 9 năm 1947. Tướng Nguyễn Văn Xuân thay thế ông, đổi danh xưng Nam Kỳ Quốc thành Nam Phần VN để xác nhận Nam Kỳ là một phần đất của VN. Ông cũng tham gia nhiều nội các sau đó: Tổng Trưởng Canh Nông trong nội các Trần Văn Hữu lần thứ ba ( tháng 3/1952 đến 25/6/1952), Tổng Trưởng Y Tế trong nội các Nguyễn Văn Tâm lần đầu (26/ 6/1952 đến 8/1/1953), Phó Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Thông Tin Tuyên Truyền trong chánh phủ Nguyễn Văn Tâm lần thứ 2 (8/1/1953 đến 11/1/1954).

Trong thời Đệ nhị Cộng Hòa, ông giữ chức Quốc Vụ Khanh nhiều lần trong nhiều chánh phủ với tư cách nhân sĩ Cao Đài: trong nội các Nguyễn Khánh (8/2/1964 đến 4/11/1964) và trong nội các Phan Huy Quát (16/2/1965 đến 19/6/1965).

Khi Viện Đại Học Cao Đài được thành lập ngày 17/4/1973, ông giữ chức Viện trưởng một thời gian ngắn rồi về hưu sinh sống ở quê nhà cho đến lúc ông tạ thế năm 1978.

Ông Lê Văn Hoạch là một nhà chính trị và một nhân sĩ đáng kính của miền Nam. Ông bị cuốn hút vào chính trị trong hào khí của phong trào thanh niên tiền phong, nhưng ông sớm nhận biết sự lợi dụng của Cộng Sản trong các phong

trào yêu nước nên đã cùng với một số trí thức ý thức rời bỏ hàng ngũ Việt Minh Cộng Sản. Sau đó, ông tham gia vào các chính phủ phía Quốc gia trong buổi giao thời Pháp Việt, góp phần xây dựng nền tảng cho chế độ Cộng Hòa khi chế độ thuộc địa cáo chung. Bởi bản chất ông không phải là một nhà chính trị chuyên nghiệp, hơn nữa ông là một nhân sĩ giáo phái Cao Đài, ông đã không thành công trong chức vụ lãnh đạo quốc gia trước những tham vọng của các phe nhóm thế lực. Có lẽ vì vậy, những năm ông đảm nhiệm chức vụ Quốc Vụ Khanh đã bảo toàn được uy tín của ông khi ông tại chức cũng như khi ông rời khỏi chính trường.

### 3- Trần Văn Hương



Ông Trần Văn Hương quê ở xã Long Châu (cùng quê với Phạm Hùng), tỉnh Vĩnh Long, con trưởng một gia đình có 11 người con.

Về ngày sinh, các tài liệu ghi những con số khác nhau, từ 1902 đến 1904, nhưng theo nhà biên khảo Trần Đông Phong, căn cứ

vào một số bài thơ của ông Trần Văn Hương thì suy ra là ông sinh ngày 1 tháng 12 năm 1902 tức năm Nhâm Dần. (Trần Đông Phong. Kê sĩ cuối cùng [www.namkyluctinh.org](http://www.namkyluctinh.org))

Lúc nhỏ, ông Trần Văn Hương được cấp học bổng học ở Collège de Mytho rồi sau đó theo học trường Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp năm 1925, ông trở về trường cũ giảng dạy môn Việt Văn. Và Luân lý. Năm 1930, ông được bổ nhiệm Thanh tra Tiểu học tỉnh Tây Ninh.

Tháng 8, 1945, ông được dân chúng tỉnh Tây Ninh bầu làm Chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh tỉnh Tây Ninh khi ông tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp, nhưng chỉ 2 tháng sau, khi quân Pháp tái chiếm lại tỉnh Tây Ninh, ông theo Ủy Ban Hành Chánh rút ra khu tiếp tục cuộc kháng chiến. Chính trong thời gian này, ông nhận rõ được bộ mặt thực của phong trào kháng chiến Việt Minh đã bị Cộng Sản khống chế và những ai không theo Cộng Sản đều lần

lượt bị thanh toán khai trừ, nên ông quyết định rời bỏ hàng ngũ Việt Minh về sống tạm tại Cao Lãnh mặc dù có sự khuyến dụ của nhiều cán bộ cao cấp Cộng Sản vốn là đồng nghiệp của ông như giáo sư Phạm Thiều (sau này tự tử vì hối hận đã theo CS), GS Nguyễn Văn Chì cũng là đồng môn của ông. Bởi lẽ càng lúc càng có nhiều người chống đối nên Cộng Sản dùng bạo lực, giết hại những người không theo chúng.

Theo ông Nguyễn Long tự Thành Nam, một nhân sĩ Cao Đài thì có ít nhất 10 000 tín đồ Cao Đài và Hòa Hảo ở Nam Bộ bị giết chỉ trong năm 1945, không kể các vùng khác như ở Quảng Ngãi...(Phật Giáo Hòa Hảo trong dòng lịch sử dân tộc. Santa Fe Springs, Đuốc Từ Bi, 1991, p. 364).

Trước tình tạng khủng bố này, ông trở về quê ông ở xã Long Châu. Cùng lúc ấy, viên chánh tham biện tỉnh Tây Ninh là Leberger mời ông trở về Tây Ninh nhiệm chức như cũ nhưng ông từ chối. Sống giữa 2 làng đạn trong một thành phố nhỏ có thể bị Việt Minh và Pháp ám hại bất cứ lúc nào, tháng 12 năm 1946, ông lên Sài Gòn làm việc cho nhà thuốc *Pharmacie de la Gare* của Dược sĩ Trần Kim Quan với công việc giữ kho (magasinier). Ông không có nhà ở nên được một học trò cũ là Đỗ Văn Năng cho tá túc. Chính trong thời gian này mà ông Trần Văn Hương bắt đầu ý hướng chính trị «dấn thân». Đỗ Văn Năng là thủ lãnh *Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn* là một đoàn thể ngoại vi của Đại Việt Quốc dân đảng, qui tụ những người chống Pháp và chống Việt Minh (Tháng 12, 1948, Đại Việt Quốc dân đảng thống nhất bầu Nguyễn Tôn Hoàn làm Tổng thư ký, Đặng Văn Sung làm đại diện miền Bắc, Nguyễn Khoa Toàn, miền Trung và Đỗ Văn Năng miền Nam. Trong số các đảng viên trẻ có Nguyễn Ngọc Huy sau này là Chủ tịch Phong Trào Quốc gia cấp tiến tức Tân Đại Việt, Trần Văn Hai sau là chuẩn tướng, Đỗ Kiến Nhiều và Lê Văn Văn, giám đốc nhà xuất bản Tân Việt đã xuất bản nhiều tác phẩm của các nhà văn, nhà biên khảo miền Nam như Lý Văn Sâm, Thẩm Thệ Hà, Hồ Hữu Tường....)

Sau khi ông Đỗ Văn Năng bị Cộng Sản giết năm 1950, ông Hương về ở trọ nhà một người học trò khác tên là Năm Đỡm, và hàng ngày ông đạp xe từ Đa Kao xuống Saigon để làm việc ở

nhà thuốc. Dù lương của một người thủ kho rất ít nhưng ông nhất quyết không trở lại nghề dạy học vì ông quan niệm như vậy là làm công chức cho Pháp.

Năm 1954, khi ông Ngô Đình Diệm chấp chánh, ông được mời làm Đô Trưởng Saigon do đức cha Ngô Đình Thục, giám mục Vĩnh Long giới thiệu bởi lẽ ông Diệm cần một nhân sĩ đức độ người gốc miền Nam.

Báo chí thời ấy nhắc lại giai thoại là ngày nhậm chức đô trưởng, ông vẫn đi xe đạp đến Tòa Đô Chính như ông đi làm ở nhà thuốc tây nên cảnh sát không cho ông vào, vì không tin một người đi chiếc xe đạp cũ lại là ông Đô Trưởng!

Bản chất hiền hòa và đạo đức, phong cách bình dị tự nhiên của ông đã tạo nên một luồng gió mới trong hệ thống hành chánh vốn quan liêu và dân chúng miền Nam ngưỡng mộ ông như biểu tượng của họ. Điều này khiến ông cố vấn Ngô Đình Nhu không hài lòng vì chế độ Diệm là chế độ độc tôn, không ai có thể được tôn sùng ngoài gia đình họ Ngô.

Ngày 7 tháng 4 năm 1955, bảy tháng sau khi nhậm chức, ông Trần Văn Hương từ chức Đô Trưởng. Không ai biết rõ thực sự lý do ông từ chức.

Theo Nguyễn Đạm và Thành Phong trong « 9 năm máu lửa dưới chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm » thì đơn từ chức của ông Trần Văn Hương có đoạn như sau: «*Tôi lấy làm hổ thẹn với chức đô trưởng Saigon-Chợ Lớn vì không bảo vệ được dân chúng trong biến cố xảy ra đêm 29/3/1955 vừa qua* » (Tác giả xuất bản, 1964).

Biến cố nói trên là cuộc nổi dậy của Bình Xuyên chống chánh phủ Ngô Đình Diệm khiến 20 000 căn nhà khu Nancy, gần cầu chữ Y bị thiêu hủy và khoảng 800 người chết.

Nhưng sau này, ông Hồ Sĩ Khuê, bạn đồng môn với Ngô Đình Cẩn (học chung trường Providence ở Huế) và thân cận với gia đình họ Ngô thì lý do thực sự của việc từ chức của ông Hương là «*...khi đã rõ là mình làm tay sai cho một chế độ Toàn Quyền, ông Trần Văn Hương từ chức đô trưởng Saigon-Chợ Lớn noi gương theo cụ Huỳnh Thúc Kháng, Viện Trưởng Viện*

*Dân Biểu Trung Kỳ. Người Nam Bộ cảm phục phản ứng của nhà giáo già Nam Bộ*»

(Hồ Sĩ Khuê. Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. NXB Văn Nghệ, 1992, tr. 321)

Cũng trong sách trên, ông Hồ Sĩ Khuê còn thuật lại một cuộc đấu khẩu giữa ông với ông Nhu. Ông Khuê nói với ông Nhu rằng: *ông cụ phải tin người và tiên quyết tin người Nam Kỳ và muốn dựa vào người Nam Kỳ thì phải để cho họ tham chính. Ông Nhu xẵng giọng: Ông cụ đã chọn một số nhân vật người Nam vào chính phủ. Nguyễn Ngọc Thơ, Bùi Văn Thinh, Trần Văn Hương không phải là người Nam Kỳ là cái gì? Ông Khuê trả lời: Vấn đề không phải là đưa người Nam vào trong chánh phủ. Thừa hành không có nghĩa là tham chính, chọn một vài công chức người Nam cho làm Tổng Bộ Trưởng chỉ lo thừa hành mà không có thẩm quyền quyết định thì không thể bảo là ông cụ chia sẻ quyền hành với người Nam. Người Nam không cần nắm địa vị nhà nước nhưng phải để cho người Nam có quyền tham dự vào các trung tâm quyết định chính trị của nhà nước. Cụ là một lãnh tụ chính trị làm việc nước không thể chỉ có cai trị mà thôi. Ông Nhu cúi hẳn và nói với ông Khuê bằng tiếng Pháp như sau: Les Cochinchinois sont des traîtres et vous voulez qu'on partage le pouvoir avec eux? Tạm dịch: Người Nam Kỳ là những kẻ phản bội, vậy anh muốn chúng tôi chia sẻ quyền hành với họ hay sao?...» (sđd, tr. 287-297)*

Sau khi từ chức đô trưởng, ông Trần Văn Hương được BS Hồ Văn Nhựt mời làm việc tại Hội Hồng Thập Tự VN và tiếp tục liên lạc với các nhân sĩ trí thức ưu tư với thời cuộc.

Thời cuộc lúc này (1960) là Việt Cộng càng bành trướng thế lực ở nông thôn trong khi chế độ Diệm độc tài và bùng bít mọi việc. Tháng 6 năm 1960, mười tám nhân sĩ thuộc nhóm Tự Do Tiến Bộ (còn gọi là nhóm Caravelle) trong đó có ông, đã gửi đến Tổng Thống Diệm trước sau 4 bằng điều trần yêu cầu chánh phủ phải cải tổ guồng máy cai trị, nhưng không được chánh phủ cứu xét.

Sau đó ít lâu, ngày 11/11/1960, nhóm Nguyễn Chánh Thi làm đảo chánh nhưng thất bại. Tuy nhóm Caravelle chẳng có liên hệ gì đến phe

đảo chánh, nhưng toàn thể nhóm Caravelle bị bắt giam. Ông Trần Văn Hương bị giam đến giữa năm 1961 mới được thả.

Tháng 9, năm 1964, ông được mời làm đô trưởng Saigon lần thứ hai, nhưng chỉ một tháng sau (30/10/1964), ông Phan Khắc Sửu, chủ tịch Thượng Hội Đồng Quốc Gia cử ông làm Thủ Tướng. Chánh phủ của ông phải đối phó với nhiều khó khăn trầm trọng tạo nên bởi các thế lực chính trị, tôn giáo, sinh viên, nhân danh quyền lợi quốc gia để mưu đoạt quyền lợi riêng tư và sự xâm nhập của Cộng Sản trong các cuộc bạo động. Nội các của ông chỉ cầm cự được 3 tháng, ngày 27 tháng 1 năm 1965, tướng Nguyễn Khánh lên thay và ông bị quản thúc tại Vũng Tàu.

Chính thời gian làm thủ tướng 3 tháng này, dân chúng biết được lập trường chính trị của ông. Trước sự xúi giục của Phật giáo trong các cuộc xuống đường, ông tuyên bố tách rời chính trị khỏi tôn giáo, đưa tôn giáo ra khỏi học đường và từ chối nhiều yêu sách của các phe nhóm để duy trì trật tự của quốc gia. Ông là một nhà chính trị có khí phách, can đảm và thực sự yêu nước, nhưng ông thiếu chiến lược, quá tin người, nhất là những người thân cận mà kiến thức chính trị cũng như đức độ chẳng giúp ích gì nhiều cho ông, quá cứng rắn nhân danh những nguyên tắc để không tìm những thỏa hiệp, do đó ông không thành công dù rằng dân chúng yêu mến và kính trọng ông.

Ông còn được mời làm Thủ tướng lần thứ hai (từ ngày 25-5-1968 đến 1-9-1969), phó Tổng Thống trong nhiệm kỳ thứ hai của Tổng Thống Thiệu và Tổng Thống 1 tuần (21 đến 28/4/1975) khi Tổng Thống Thiệu từ chức trước khi trao quyền cho Tổng Thống 1 ngày Dương Văn Minh, nhưng thời gian tham chính này được xem như trang trí cho chế độ qua hình ảnh một nhà giáo thanh liêm, một nhân sĩ khả kính của miền Nam hơn là một nhà chính trị lão luyện, đủ khả năng lèo lái con thuyền quốc gia trong cơn giông bão. Chính hình ảnh này đã làm uy tín của ông bị suy giảm trong lòng người dân lẫn trí thức.

Ông đã từ chối di tản ra nước ngoài, ở lại sống với nỗi đau chung của dân tộc. Ông đã gìn giữ sự thanh liêm mẫu mực cho đến cuối đời. Ông đã cho người nhà đem bán từng bộ đồ veste

của ông để lấy tiền mua gạo cho các cháu, ông đã từ chối quyền công dân khi Huỳnh Tấn Phát tổ chức buổi lễ trao trả quyền công dân cho ông. Ông nói: *«Tôi xin phép từ chối, tôi không nhận cái quyền công dân này. Dù gì tôi cũng là người lãnh đạo miền Nam, trong khi binh sĩ, nhân viên các cấp, chỉ vì thừa lệnh của chúng tôi mà giờ đây còn bị giam cầm trong các trại cải tạo, chưa được nhận quyền công dân. Chẳng lý do gì tôi là người trách nhiệm lại được trả quyền công dân trước. Tôi sẽ là người sau cùng nhận cái quyền công dân này sau khi binh sĩ và nhân viên của chúng tôi đã được nhận...»* (Phan Cẩm Anh. Hương trà năm trước).

Ông mất tại Saigon ngày mùng ba Tết năm Nhâm Tuất (27/1/1982).

Ông Trần Văn Hương là hình ảnh cuối cùng của một nhà giáo, một nhà chính trị sống ở Việt Nam.

**Lâm Văn Bé**

Montréal, tháng 7, 2010